

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37 /2012/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 13 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách đào tạo và thu hút nhân tài

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Ở THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
Số: 1860
Ngày: 15/8/2012
Chuyên: VP. Tổng hợp và quản lý

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2012/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đào tạo và thu hút nhân tài;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 259/TTr-SNV ngày 30 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách đào tạo và thu hút nhân tài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ngày 15/01/2010 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Ban hành Quy định về chính sách đào tạo và thu hút nhân tài.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ban TCTU;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu VT VP.UBND tỉnh.



Nguyễn Thị Thu Thủy

QUY ĐỊNH

Về chính sách đào tạo và thu hút nhân tài

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /2012/QĐ-UBND ngày 13 / 8 /2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Bản Quy định này quy định chính sách đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân tài đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội được áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế từ tỉnh đến cơ sở xã, phường, thị trấn.
2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc diện cán bộ quy hoạch, thay thế cho đội ngũ cán bộ công chức cấp xã.
3. Dự nguồn công chức.
4. Cán bộ, công chức ngành dọc, cán bộ, công chức thuộc cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Tây Ninh.

Điều 3. Điều kiện và tiêu chuẩn

1. Các đối tượng đi học phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định, hoặc ủy quyền cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ ký quyết định.
2. Các đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp của tỉnh theo chính sách này, phải có cam kết hoàn thành khóa đào tạo và thực hiện đủ thời gian phục vụ theo quy định (thời gian phục vụ theo quy định gấp 03 lần so với thời gian đào tạo).
3. Các đối tượng đi học phải được đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo từ cuối năm trước và được Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt kế hoạch trong năm.
4. Về độ tuổi cử đi đào tạo: không quá 40 tuổi đối với đào tạo trình độ từ cao học trở lên; trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
5. Về thâm niên công tác: các đối tượng tham gia đào tạo sau đại học phải có thâm niên công tác từ 05 năm trở lên. Trường hợp có thời gian công tác từ sau 03 năm thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Chương II

**MỨC HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN,
NGHIỆP VỤ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Điều 4. Đối với các lớp đào tạo lý luận chính trị trình độ trung cấp, cao cấp:

1. Tiền học phí theo thông báo chiêu sinh (nếu có).
2. Hỗ trợ thêm theo chế độ khoán cho thời gian thực học (bao gồm tiền ăn, ở, tài liệu, tàu xe, trang phục chống rét), cụ thể như sau:

a) Học tại Hà Nội:

Được hỗ trợ tương đương gấp 02 lần mức lương tối thiểu/tháng/người (mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ).

Được thanh toán tiền tàu xe 02 lượt (lượt đi và lượt về)/người/khoá.

Hỗ trợ chi phí đi thực tế (nếu có): 500.000 đồng/người/khoá.

b) Học tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Được hỗ trợ tương đương gấp 1,5 lần mức lương tối thiểu/tháng/người (mức lương tối thiểu theo quy định của Chính phủ).

Hỗ trợ chi phí đi thực tế (nếu có): 400.000 đồng/người/khoá.

c) Học tại tỉnh:

Được hỗ trợ theo quy định tại Hướng dẫn số 38-HD/BTCTW, ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thực hiện trợ cấp đối với học viên đi học tại các trường chính trị.

Hỗ trợ chi phí đi thực tế (nếu có): 300.000 đồng/người/khoá.

Điều 5. Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ sau đại học, nghiên cứu sinh

1. Hỗ trợ đào tạo nâng cao:

Đối với cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển chương trình sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước (kể cả các trường hợp trúng tuyển hệ đào tạo sau đại học theo chương trình hợp tác nước ngoài nhưng được đào tạo trong nước hoặc theo học chương trình sau đại học, nghiên cứu sinh được đào tạo ở nước ngoài theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc theo Chương trình học bổng Quốc tế):

a) Hỗ trợ khoán kinh phí ôn thi đầu vào:

Học ôn thi tại các tỉnh phía Bắc (từ Huế trở ra): nghiên cứu sinh được hỗ trợ 3.500.000 đồng/người; cao học được hỗ trợ 3.000.000 đồng/người.

Học ôn thi tại các tỉnh phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào): Nghiên cứu sinh được hỗ trợ 2.000.000 đồng/người; cao học được hỗ trợ 1.500.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ kinh phí đào tạo (sau khi có giấy báo thi trúng tuyển, UBND Tỉnh quyết định cử đi học), được hưởng theo định mức khoán:

Nghiên cứu sinh: 60.000.000 đồng/người/khoá.

Cao học: 50.000.000 đồng/người/khoá.

Chuyên khoa cấp II học lên tiến sĩ: 40.000.000 đồng/người/khoá.

Chuyên khoa cấp I học lên thạc sĩ: 30.000.000 đồng/người/khoá.

Chuyên khoa cấp II ngành y: 50.000.000 đồng/người/khoá.

Chuyên khoa cấp I ngành y: 30.000.000 đồng/người/khoá.

2. Hỗ trợ thêm đối với các ngành nghề tỉnh đang có nhu cầu:

Đối với các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo cao học, nghiên cứu sinh chuyên ngành cần đào tạo theo nhu cầu của tỉnh công bố hàng năm,

được hỗ trợ thêm sau khi lấy bằng tốt nghiệp với mức 20.000.000 đồng/người/khoá.

3. Đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh tự tham gia đào tạo sau đại học:

Nếu cán bộ, công chức viên chức của tỉnh tự tham gia đào tạo trình độ chuyên môn nghiệp vụ sau đại học ngoài giờ hành chính tại các cơ sở đào tạo, sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ với định mức khoán như cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo quy định của khoản 1, điều này.

4. Đào tạo sau đại học đối với các ngành nghề theo nhu cầu của tỉnh

Đối với học viên khi tham gia đào tạo các lớp sau đại học theo chủ trương của Tỉnh ký kết hợp đồng với cơ sở đào tạo, được hỗ trợ trọn khoá mức kinh phí đào tạo theo hợp đồng ký kết của tỉnh với cơ sở đào tạo. Tùy theo điều kiện, địa điểm của từng lớp cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ các khoản khác (nếu có).

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ

Đối với cán bộ, công chức, viên chức (nếu đối tượng là dự nguồn công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách chỉ được thực hiện sau khi được tuyển dụng chính thức), chưa được tỉnh hỗ trợ chi phí đào tạo ngoại ngữ, nếu tự đào tạo các chứng chỉ ngoại ngữ đủ điều kiện để tham gia các đề án đào tạo nước ngoài của tỉnh, được tỉnh hỗ trợ mức kinh phí tự đào tạo gồm:

- Chứng chỉ IELTS 5.5 (hoặc tương đương): 10.000.000 đồng/người.
- Chứng chỉ IELTS 6.5 (hoặc tương đương): 20.000.000 đồng/người.

Điều 7. Hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước

Đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng (trừ các lớp đào tạo trình độ lý luận chính trị) có thời gian đào tạo, bồi dưỡng trên 01 tháng, được tỉnh hỗ trợ thêm 30% mức lương tối thiểu/tháng, cụ thể như sau:

Nếu thời gian đào tạo, bồi dưỡng tập trung trên 01 tháng thì được tính theo số tháng thực học.

Nếu các lớp đào tạo không tập trung được tính 05 tháng/01 năm trong thời gian tham dự khoá đào tạo.

Điều 8. Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài

Cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu tu nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ ở nước ngoài sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ từng trường hợp cụ thể.

Điều 9. Đền bù chi phí đào tạo

Các đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp của tỉnh theo chính sách đào tạo trên đây, nếu nghỉ việc, chuyển công tác ra ngoài tỉnh, nghỉ học có lý do chính đáng và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận thì phải bồi thường kinh phí đào tạo theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Trường hợp nếu tự ý nghỉ học, xin nghỉ học hoặc tự ý nghỉ việc, xin nghỉ việc, xin chuyển công tác không lý do chính đáng thì phải bồi thường kinh phí đào

tạo theo quy định của tỉnh như sau:

- 1/3 tổng kinh phí được hỗ trợ thì mức bồi thường kinh phí đào tạo theo quy định hiện hành.
- 2/3 tổng kinh phí được hỗ trợ thì mức bồi thường kinh phí đào tạo gấp 03 lần số tiền trợ cấp của tỉnh.

Chương III **CHÍNH SÁCH THU HÚT NHÂN TÀI**

Điều 10. Đối với người có học hàm, học vị

1. Người có học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ, nếu văn bằng chuyên môn được đào tạo tại nước ngoài, có ngành nghề đào tạo phù hợp theo yêu cầu của tỉnh, đồng ý về Tây Ninh công tác ít nhất từ 5 đến 7 năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ hoàn lại phần chi phí tự đào tạo với mức từ 600 lần mức lương tối thiểu trở lên. Cụ thể:

a) Tiền lương quy định theo hệ thống thang bảng lương của cơ quan nhà nước; nếu chưa được tuyển dụng được hưởng mức lương bậc 2 ngạch chuyên viên nếu trình độ thạc sĩ; bậc 3 ngạch chuyên viên nếu trình độ tiến sĩ.

b) Hỗ trợ hoàn lại phần chi phí theo văn bằng đã đào tạo:

- Nếu trình độ tiến sĩ: hỗ trợ 84 tháng (7 năm), với mức hỗ trợ là 12 lần mức lương tối thiểu/tháng; được chi trả theo hàng tháng.

- Nếu trình độ thạc sĩ: hỗ trợ 60 tháng (5 năm), với mức hỗ trợ là 10 lần mức lương tối thiểu/tháng; được chi trả theo hàng tháng.

c) Được bố trí chỗ ở tại tỉnh (nhà công vụ) trong thời gian công tác hoặc được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hàng tháng với mức bằng 0,5 lần so mức lương tối thiểu trong thời gian công tác.

Sau khi thử việc 03 tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ký hợp đồng theo thỏa thuận. Nếu chuyên công tác ra ngoài tỉnh trước thời gian thỏa thuận thì không được nhận các khoản hỗ trợ của tỉnh trong thời gian còn lại.

2. Người có học vị Tiến sĩ, Thạc sĩ (kể cả là đối tượng dự nguồn công chức) đồng ý về Tây Ninh công tác ít nhất từ 4 đến 5 năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ hoàn lại phần chi phí tự đào tạo từ 115 lần mức lương tối thiểu trở lên, cụ thể:

a) Tiền lương quy định theo hệ thống thang bảng lương của cơ quan nhà nước; nếu chưa được tuyển dụng được hưởng mức lương bậc 2 ngạch chuyên viên nếu trình độ thạc sĩ; bậc 3 ngạch chuyên viên nếu trình độ tiến sĩ.

b) Hỗ trợ hoàn lại phần chi phí theo văn bằng đã đào tạo:

- Nếu trình độ tiến sĩ: hỗ trợ 60 tháng (5 năm), với mức hỗ trợ là 03 lần mức lương tối thiểu/tháng; được chi trả theo hàng tháng.

- Nếu trình độ thạc sĩ: hỗ trợ 48 tháng (4 năm), với mức hỗ trợ là 2,4 lần mức lương tối thiểu/tháng; được chi trả theo hàng tháng.

c) Được hỗ trợ tiền thuê nhà ở hàng tháng với mức bằng 0,5 lần so mức lương tối thiểu trong thời gian công tác.

Sau khi thử việc 03 tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ký hợp

đồng theo thỏa thuận. Nếu chuyển công tác ra ngoài tỉnh trước thời gian thỏa thuận thì không được nhận các khoản hỗ trợ của tỉnh trong thời gian còn lại.

3. Các trường hợp được thực hiện chính sách thu hút theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này, phải còn tuổi lao động theo quy định của Luật Lao động. Trường hợp đủ điều kiện theo khoản 1 và khoản 2 nếu là Chuyên gia hoạch định chính sách, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét từng trường hợp cụ thể để ký hợp đồng phù hợp với thời gian công tác tại tỉnh.

4. Các trường hợp được thực hiện chính sách thu hút theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều này, sau khi thực hiện kết thúc hợp đồng theo thời gian cam kết, được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tiếp tục ký kết hợp đồng tiếp theo.

Điều 11. Chính sách dự nguồn công chức

1. Đối với sinh viên tốt nghiệp Đại học hệ chính quy, tại chức (gọi là dự nguồn công chức), được bố trí công việc tại các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các xã, phường, thị trấn, được bố trí như công chức nhưng do tỉnh chi trả lương và hưởng chế độ từ nguồn ngân sách Nhà nước các cấp của tỉnh:

a) Hỗ trợ mức lương hàng tháng:

- Hưởng lương bậc 1 của ngạch chuyên viên đối với trình độ đại học.

b) Nếu về công tác tại xã, phường, thị trấn, được trợ cấp hàng tháng theo tỷ lệ % so với mức lương hiện hưởng, cụ thể:

- Công tác tại các xã có hệ số phụ cấp khu vực 0,2 được trợ cấp 50% so với mức lương hiện hưởng.

- Công tác tại các xã có hệ số phụ cấp khu vực 0,1 được trợ cấp 30% so với mức lương hiện hưởng.

- Công tác tại các xã, phường, thị trấn khác được trợ cấp 20% so với mức lương hiện hưởng.

c) Được xem xét miễn thời gian tập sự:

Nếu dự nguồn công chức (kể cả dự nguồn công chức cấp xã) có thời gian công tác liên tục trên 12 tháng tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đang tiếp nhận, nếu thi tuyển và trúng tuyển vào công chức, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2. Dự nguồn công chức về công tác tại các xã vùng sâu, biên giới (hệ số phụ cấp khu vực 0,1 và 0,2 theo tiêu chí của Trung ương và tỉnh), tùy theo tình hình cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, đề xuất tiếp nhận dự nguồn công chức trình độ từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên, được bố trí như công chức nhưng do tỉnh chi trả lương và hưởng chế độ từ nguồn ngân sách Nhà nước các cấp của tỉnh:

a) Hỗ trợ mức lương hàng tháng:

Hưởng lương bậc 1 của ngạch chuyên viên đối với trình độ đại học; bậc 1 của ngạch chuyên viên cao đẳng đối với trình độ cao đẳng; bậc 1 của ngạch cán sự đối với trình độ trung cấp.

b) Được thực hiện theo điểm b và điểm c khoản 1 điều này.

3. Nếu dự nguồn công chức có thời gian công tác tại các cơ quan, đơn vị trong

tính liên tục từ 06 tháng trở lên, được thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký hợp đồng lao động theo quy định, được thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của Luật Lao động trong thời gian tạo nguồn.

4. Nếu dự nguồn công chức tự tham gia đào tạo trình độ chuyên môn nghiệp vụ sau đại học, nghiên cứu sinh ngoài giờ tại các cơ sở đào tạo, sau khi tốt nghiệp được hỗ trợ với định mức khoán như cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Chương IV **HỖ TRỢ CHO SINH VIÊN DIỆN CHÍNH SÁCH**

Điều 12. Đối tượng hưởng trợ cấp

1. Con của liệt sĩ, thương binh, bệnh binh và con của những người hưởng chính sách như thương binh, có tỉ lệ thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên.

2. Sinh viên có cha hoặc mẹ tham gia cách mạng thời kỳ chống Pháp hoặc chống Mỹ liên tục ở chiến trường B, C, K được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hoặc Huy chương kháng chiến (nếu gia đình có cả cha và mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Huy chương kháng chiến thì được giải quyết tối đa hai con, nếu chỉ có cha hoặc mẹ được tặng thưởng Huân, Huy chương thì giải quyết một con).

3. Sinh viên thuộc hộ nghèo theo tiêu chuẩn Trung ương (có xác nhận của Sở Lao động Thương binh và Xã hội); sinh viên thuộc hộ cận nghèo (hộ có mức thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Trung ương) và có hộ khẩu thường trú tại 20 xã biên giới ít nhất từ 36 tháng trở lên, có kết quả học tập và rèn luyện đạt loại khá trở lên.

4. Sinh viên ngoài các đối tượng trên nếu theo học các ngành nghề mà tỉnh có nhu cầu (theo danh mục ngành nghề tỉnh quy định hàng năm).

5. Sinh viên là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại địa phương ít nhất từ 36 tháng trở lên.

Điều 13. Điều kiện hưởng trợ cấp

1. Sinh viên chỉ được hỗ trợ kinh phí đào tạo để học 01 đại học. Trường hợp sinh viên đang học đại học nếu chuyển sang học đại học khác có ngành nghề phù hợp với nhu cầu của tỉnh thì được xem xét giải quyết.

2. Thời gian sinh viên học lưu ban, nếu không có xác nhận lý do chính đáng hoặc học bổ sung, học thêm ngoài chương trình chính của nhà trường thì không được hưởng chính sách trợ cấp.

3. Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường phải về công tác tại tỉnh Tây Ninh, nếu không phải bồi hoàn kinh phí đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 14. Mức trợ cấp

1. Hỗ trợ sinh viên học Đại học:

a) Tiền ở: 200.000đ/tháng/sinh viên.

b) Tiền ăn: 355.000đ/tháng/sinh viên.

c) Học phí được cấp theo mức quy định của nhà trường.

Riêng những đối tượng được giải quyết theo quy định của Nghị định số

54/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 và Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ nhưng chưa đủ theo mức quy định của tỉnh, sẽ được cấp bù, nếu trợ cấp đủ sẽ không trợ cấp thêm.

Đối với sinh viên học trong tỉnh thì không hỗ trợ tiền ăn, ở, chỉ hỗ trợ tiền học phí theo quy định của nơi đào tạo.

2. Sinh viên học trên đại học trong nước và nước ngoài:

Sinh viên diện chính sách trúng tuyển sau đại học được hỗ trợ với định mức khoán như cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho các đối tượng được hưởng chế độ theo quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã

1. Tháng 7 hàng năm, các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo chung của tỉnh.

2. Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục nhu cầu ngành nghề tỉnh cần thu hút và danh mục nhu cầu ngành nghề tỉnh cần đào tạo hàng năm.

Điều 17. Kinh phí thực hiện.

Giao Sở Tài chính cân đối ngân sách tỉnh để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện chính sách đào tạo, thu hút nhân tài của tỉnh.

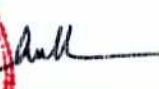
Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 18. Điều khoản thi hành.

Giao Sở Nội vụ phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn chi tiết việc thực hiện chính sách này. Trong quá trình thực hiện, nếu cần thay đổi, bổ sung hay hủy bỏ bất kỳ điều, khoản nào của bản quy định này, Giám đốc Sở Nội vụ tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 
CHỦ TỊCH




Nguyễn Thị Thu Thủy